

Bản án số: 94 /2021/DS-PT
Ngày 15 tháng 3 năm 2021
“V/v: *Tranh chấp tài sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Bà Trần thị Thu Thủy

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 145/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”.

Do có kháng cáo của bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 846/2017/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3510/2020/QĐXX-PT ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị S, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị S1, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường B, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Đinh Thanh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: đường T, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2013*) (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1940 (chết năm 2008)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1.1/ Bà Đặng Thị Tr, sinh năm 1942. (vắng mặt)

1.2/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1962. (vắng mặt)

1.3/ Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1965. (vắng mặt)

1.4/ Ông Lê Văn S2, sinh năm 1970. (vắng mặt)

1.5/ Bà Lê Thị Thanh A, sinh năm 1974. (vắng mặt)

1.6/ Bà Lê Thị Lại, sinh năm 1977. (vắng mặt)

1.7/ Ông Lê Quốc T, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường H, Khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8/ Ông Lê Hoàng Nh, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, Khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.9/ Bà Lê Thị H2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.10/ Bà Lê Thị Thanh Nh1, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bị đơn: Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Tòa nhà T, đường H, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2019*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đặng Thị Tr, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, bà Th: Ông Đinh Thanh T, sinh

năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Hoàng Nh, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, Khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Hoàng Nh: Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: đường H1, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020).

5. Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T1, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/04/2009 và quá trình tranh tụng, các nguyên đơn là bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 do ông Đinh Thanh T là người đại diện trình bày:

Cha mẹ các nguyên đơn là cụ Lê Văn Tr và cụ Lê Thị Đ (cụ Tr chết năm 1986, cụ Đ chết năm 1999). Hai cụ có 06 người con chung là bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn D và ông Lê Văn H5 (ông H5 chết ngày 31/5/1994, có 02 con là chị Lê Thị H3, chị Lê Thị Th). Khi còn sống cụ Tr, cụ Đ tạo lập được diện tích 600m² tại số 29/2 tổ 14, ấp 1, xã P1, huyện Nhà Bè (nay là số 803/28 H, khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) do vợ chồng ông Lê Văn D, bà Đặng Thị Tr quản lý, sử dụng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/3/2005 đứng tên ông D, bà Tr.

Cụ Tr, cụ Đ chết không để lại di chúc, các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là 600m² đất nêu trên, đồng thời đồng ý trả cho vợ chồng ông D giá trị tài sản và công tôn tạo nền đất. Khi Tòa án chia thừa kế các nguyên đơn xin nhận hiện vật là đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng diện tích.

Bị đơn là ông Lê Văn D do bà Trần Thị Thanh V là người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 894,6m² là của vợ chồng ông D. Trong diện tích đất trên, trước năm 1975 cụ Tr, cụ Đ có sử dụng khoảng 100m² đất, trên đất có căn nhà lá 24m² của cụ Tr, cụ Đ. Nhà đất này năm 1975, cụ Tr, cụ Đ đã tặng cho ông D, nhưng ông D, bà Tr có trả cho cụ Tr, cụ Đ 01 lượng vàng 24k và coi như cụ Tr, cụ Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng 100m² đất cho vợ chồng ông D.

Trong quá trình sử dụng đất, ông D có san lấp tôn nền, khai phá mở rộng thêm đất và ngày 31/3/2005 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất là 894,6m². Diện tích đất 100m² của cụ Tr, cụ Đ vợ chồng ông D đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 1975 đến nay. Vì vậy, vợ chồng ông D không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Trong quá trình tố tụng, ông D chết (ngày 02/11/2018); những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D là bà Đặng Thị Tr (vợ của ông D) và các con của ông D là chị Lê Thị M, chị Lê Thị Ph, anh Lê Hoàng Nh, anh Lê Văn S2, chị Lê Thị Nh1, chị Lê Thị Thanh A, anh Lê Quốc T và chị Lê Thị H2 cùng nhất trí như bà Trần Thị Thanh V đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Theo văn bản Ủy ban nhân dân Quận 7 trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất là căn cứ quá trình sử dụng đất của ông D, bà Tr trực tiếp sử dụng lâu dài ổn định, không có tranh chấp, không có quy hoạch, phù hợp với Luật đất đai, các trình tự, thủ tục đều tuân thủ đúng quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 846/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D, bà Đặng Thị Tr.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định diện tích 600m² đất thuộc thửa 1911 tờ bản đồ số 2 thuộc xã P1 nay là phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Lê Văn Tr và bà Lê Thị Đ. Di sản chia đều cho 6 người con gồm: Ông Lê Văn D, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn H5 (chết có con là Lê Thị H3, Lê Thị Th), mỗi suất có diện tích 85,7m², ông D được hưởng một phần công sức bằng một suất thừa kế, tổng cộng hai phần.

3/ Ông D được nhận diện tích theo vị trí đất có chiều dài từ hẻm xi măng nhìn vào bên phải tiếp giáp với phần đất ông D khai phá là 34m và chiều dài bên trái tiếp giáp với phần đất mà các ông bà S, S1, H, H1, H5 (chết có hai con là H3 và Th) được nhận là 33,63m. Chiều ngang mặt tiền hẻm xi măng phía trước là 5m và chiều ngang phía sau tiếp giáp với phần đất ông D khai phá thêm chưa được Nhà nước công nhận là 4,75m (phần gạch chéo trên bản vẽ) (Kèm bản vẽ sơ đồ nhà đất có chữ ký của Hội đồng xét xử).

4/ Các ông bà S, S1, H, H1, H5 (chết có hai con là H3 và Th) được nhận diện tích theo vị trí đất có chiều dài từ hẻm xi măng nhìn vào bên phải tiếp giáp với phần đất ông D được nhận thừa kế là 33,63m và chiều dài bên trái tiếp giáp nhà 29/4 là 31,42m. Chiều ngang mặt tiền hẻm xi măng phía trước là 12,6m và chiều ngang phía sau tiếp giáp với phần đất do ông D khai phá thêm chưa được nhà nước công nhận (phần gạch chéo trên bản vẽ) là 11,91. Phần này sẽ chia thừa kế cho 5 người con còn lại gồm các ông bà S, S1, H, H1, H5 (chết có hai con là H3 và Th) (Kèm bản vẽ sơ đồ nhà đất có chữ ký của Hội đồng xét xử).

5/ Ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn trả lại chi phí san lấp mặt

bằng, hoa màu và xây dựng hàng rào tổng cộng là 204.489.709 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/7/2019 bà Trần Thị Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn làm đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 93/2019/DS- PT ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phía nguyên đơn bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 về việc đòi chia thừa kế đối với diện tích đất 600m² tọa lạc tại thửa 1911 tờ bản đồ số 2 thuộc xã P1 nay là phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 mỗi người chịu số tiền 55.917.000đồng, mỗi người được khấu trừ số tiền 19.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 021002, 021003, 021004, 021005 ngày 27/10/2009 của Chi Cục Thi hành dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh như vậy bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1 mỗi người còn phải nộp tiếp số tiền 36.167.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho phía bị đơn, có những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Đặng Thị Tr, bà Lê Thị M, bà Lê Thị Ph, ông Lê Hoàng Nh, ông Lê Văn S2, bà Lê Thị Thanh Nh1, bà Lê Thị Thanh A, bà Lê Thị Lài, ông Lê Quốc T, bà Lê Thị H2 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo biên lai thu số AA/117/0047243 ngày 30/7/2011 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

- Ngày 12/02/2020, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định số 07/2020/KN-DS kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm số: 93/2019/DS-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Ngày 24/3/2020, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định số: 19/2020/DS-GĐT hủy bản án dân sự phúc thẩm số: 93/2019/DS-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 600m² đất là di sản thừa kế của cụ Lê Văn Trí và Lê Thị Đ để lại là có căn cứ. Tòa sơ thẩm chia đều cho các đồng thừa kế là đúng pháp luật. Người kháng cáo nhưng không cung cấp chứng

cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm. Trong quá trình Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự giám đốc, bà Tr cập nhật biến động bằng hình thức thừa kế sau đó làm hợp đồng tặng cho con trai mình là anh Lê Hoàng Nh. Hợp đồng tặng cho không làm phát sinh trách nhiệm dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm và hủy phần cập nhật biến động của bà Tr và ông Nhung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp cho ông D, bà Tr ngày 31/3/2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 600m² đất là di sản thừa kế của ông Lê Văn Tr và bà Lê Thị Đ để lại là có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Vợ chồng cụ Lê Văn Tr (*chết năm 1986*) và cụ Lê Thị Đ (*chết năm 1999*) có 06 người con chung là bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn D và ông Lê Văn H5 (*ông H5 chết ngày 31/5/1994, có 02 con là chị Lê Thị H3 và chị Lê Thị Th*). Khi còn sống, cụ Tr và cụ Đ tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 600m² tọa lạc tại số 29/2 tổ 14, ấp 1, xã P1, huyện Nhà Bè (*nay là số 803/28 H, khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*) hiện do vợ chồng ông Lê Văn D, bà Đặng Thị Tr đang quản lý, sử dụng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/3/2005 đứng tên ông D, bà Tr. Cụ Tr, cụ Đ chết không để lại di chúc, các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là diện tích đất 600m² nêu trên, các nguyên đơn đồng ý trả cho vợ chồng ông D công sức tôn tạo đất và giá trị tài sản trên đất, khi Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ, các bà xin được nhận hiện vật.

[2] Ông D, bà Tr cho rằng: Diện tích đất 894,6m² có nguồn gốc là do vợ chồng ông D cùng cụ Tr, cụ Đ khai phá. Trước năm 1975, cụ Tr và cụ Đ sử dụng diện tích đất khoảng 100m² và có làm căn nhà lá khoảng 24m², nhưng năm 1975, cụ Tr và cụ Đ đã tặng cho vợ chồng ông D nhà đất trên và vợ chồng ông D có trả cho cụ Tr, cụ Đ 01 lượng vàng 24k và coi như cụ Tr, cụ Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông D có tôn tạo, san lấp và khai phá mở rộng thêm diện tích; ngày 31/3/2005, vợ chồng ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích là 894,6m². Vì vậy, ông D, bà Tr không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

[3] Theo “*Bản kê khai nhà cửa*” ngày 17/12/1977 thì cụ Lê Văn Tr đã kê khai, đăng ký đất tranh chấp (600m²), trên đất có căn nhà của cụ Tr, cụ Đ. Đồng thời, theo nội dung “*Tờ đăng ký nhà đất*” ngày 20/8/2003, ông D khi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đã thừa nhận nguồn gốc đất do cụ Tr, cụ Đ tạo lập, căn nhà trên đất do cha mẹ làm. Ông D, bà Tr cho rằng, nhà đất cụ Tr, cụ Đ đã tặng cho vợ chồng ông từ năm 1975 và ông D, bà Tr có đưa cho cụ Tr, cụ Đ 01 lượng vàng 24k coi như cụ Tr, cụ Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không xuất trình được chứng cứ, chứng minh. Vì vậy, có căn cứ xác định diện tích đất 600m² là do cụ Tr, cụ Đ khai phá và đã kê khai, đăng ký và làm nhà trên đất từ năm 1977. Mặt khác, theo sổ hộ khẩu năm 1977 thì gia đình cụ Tr, cụ Đ cùng các con sinh sống trên phần đất tranh chấp. Do đó, việc chính quyền địa

phương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 894,6m² cho ông D, bà Tr là không đúng.

[4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 600m² đất trong tổng diện tích 894,6m² ông D, bà Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ Tr, cụ Đ và chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại các Điều 649, 650, 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ. Đồng thời, buộc các nguyên đơn trả công tôn tạo đất và giá trị tài sản trên đất cho ông D, bà Tr; tính công sức giữ gìn, bảo quản di sản cho ông D, bà Tr bằng một suất thừa kế là đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Thực tế, khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Tr năm 1977 thì trên đất đã có căn nhà của cụ Tr, cụ Đ. Năm 2002 ông D cũng kê khai đăng ký là đất là do cha mẹ tạo lập. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D xác định mục đích sử dụng đất là làm nhà ở, thời hạn sử dụng đất là lâu dài.

[5] Trong thời gian Tòa án nhân dân tối cao rút hồ sơ vụ án xem xét theo trình tự giám đốc thẩm, ngày 10/5/2019 tại phòng Công chứng Sài Gòn bà Đặng Thị Tr đã khai nhận di sản thừa kế. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 cập nhật biến động ngày 16/5/2019.

Ngày 30/5/2019 tại phòng Công chứng Sài Gòn bà Đặng Thị Tr làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai của mình là Lê Hoàng Nh, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 cập nhật biến động ngày 10/6/2019. Xét thấy nếu bà Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác thì cần phải hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại vì người thứ 3 chuyển nhượng ngay tình. Ở đây bà Tr tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai mình, hợp đồng tặng cho không làm phát sinh trách nhiệm nghĩa vụ dân sự như hợp đồng mua bán, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y án sơ thẩm, chỉ hủy phần cập nhật biến động về đất đối với phần kê khai thừa kế của bà Tr và phần tặng cho của ông Nhung mà Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đã ký xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp cho ông Lê Văn D, bà Đặng Thị Tr ngày 31/3/2005.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ y án sơ thẩm số 846/2017/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 612; 613; 623; 649; 651; 652; 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

và Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D, bà Đặng Thị Tr.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định diện tích 600m² đất thuộc thửa 1911 tờ bản đồ số 2 thuộc xã P1 nay là phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Lê Văn Tr và bà Lê Thị Đ. Di sản chia đều cho 6 người con gồm: Ông Lê Văn D, bà Lê Thị S, bà Lê Thị S1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn H5 (*chết có con là Lê Thị H3, Lê Thị Th*), mỗi suất có diện tích 85,7m², ông D được hưởng một phần công sức bằng một suất thừa kế, tổng cộng hai phần.

3/ Ông D được nhận diện tích theo vị trí đất có chiều dài từ hẻm xi măng nhìn vào bên phải tiếp giáp với phần đất ông D khai phá là 34m và chiều dài bên trái tiếp giáp với phần đất mà các ông bà S, S1, H, H1, H5 (*chết có hai con là H3 và Th*) được nhận là 33,63m. Chiều ngang mặt tiền hẻm xi măng phía trước là 5m và chiều ngang phía sau tiếp giáp với phần đất ông D khai phá thêm chưa được Nhà nước công nhận là 4,75m (*phần gạch chéo trên bản vẽ*) (*Kèm bản vẽ sơ đồ nhà đất có chữ ký của Hội đồng xét xử*).

4/ Các ông bà S, S1, H, H1, H5 (*chết có hai con là H3 và Th*) được nhận diện tích theo vị trí đất có chiều dài từ hẻm xi măng nhìn vào bên phải tiếp giáp với phần đất ông D được nhận thừa kế là 33,63m và chiều dài bên trái tiếp giáp nhà 29/4 là 31,42m. Chiều ngang mặt tiền hẻm xi măng phía trước là 12,6m và chiều ngang phía sau tiếp giáp với phần đất do ông D khai phá thêm chưa được nhà nước công nhận (*phần gạch chéo trên bản vẽ*) là 11,91. Phần này sẽ chia thừa kế cho 5 người con còn lại gồm các ông bà S, S1, H, H1, H5 (*chết có hai con là H3 và Th*) (*Kèm bản vẽ sơ đồ nhà đất có chữ ký của Hội đồng xét xử*).

5/ Ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn trả lại chi phí san lấp mặt bằng, hoa màu và xây dựng hàng rào tổng cộng là 204.489.709 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Văn D có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các nguyên đơn chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6/ Sau khi thi hành án xong, các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Mọi khoản thuế, phí, lệ phí ... trong quá trình làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất thì các đương sự phải chịu.

Chi phí đo vẽ, định giá, thẩm định giá phía nguyên đơn tự nguyện chịu, ghi nhận đã nộp xong.

7/ Tuyên hủy phân cấp nhất biến động về đất đối với phần kê khai thừa kế của bà Tr ngày 16/5/2019 và phần tặng cho của ông Nhung ngày 10/6/2019 mà

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 đã ký xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01498/2005 mà Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp cho ông Lê Văn D, bà Đặng Thị Tr ngày 31/3/2005.

8/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chuyển số tiền nộp tạm ứng (*theo biên lai thu số 0047243 ngày 20/7/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*) thành án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn